

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2020

V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dương
Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Ông Vũ Xuân Trường
- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Đào Mạnh T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị A trình bày:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, tôi và ông T tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01, ngày 27/02/2012.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn vì ông T thường xuyên cờ bạc, ghen tuông, sỉ nhục tôi trước mặt mọi người, coi thường tôi không kiếm được tiền lo cho gia đình, khi tôi đi làm thì ông T lại không cho, đe dọa giết tôi khiến cuộc sống của tôi như ngục tù. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi vì thế tôi không còn chung sống với ông

T nữa mà đã bỏ về nhà mẹ ở xã S sinh sống, tôi chỉ đến nhà ông T để thăm 02 con chung.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông T, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung là Đào Lê V, sinh ngày 15/11/2011, Đào Lê M, sinh ngày 06/12/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với anh T. Ly hôn tôi tự nguyện giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đào Mạnh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị A được ly hôn với ông Đào Mạnh T.

+ Về con chung: Giao con chung là Đào Lê V, sinh ngày 15/11/2011, Đào Lê M, sinh ngày 06/12/2013 cho bà Đỗ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đào Mạnh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị A và ông Đào Mạnh T tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01, ngày 27/02/2012. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Đỗ Thị A và ông Đào Mạnh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà A trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn vì ông T thường xuyên cờ bạc, ghen tuông, sỉ nhục tôi trước mặt mọi người, coi thường tôi không kiếm được tiền lo cho gia đình, khi tôi đi làm thì ông T lại không cho, đe dọa giết tôi khiến cuộc sống của tôi như ngục tù. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi vì thế tôi không còn chung sống với ông T nữa mà đã bỏ về nhà mẹ ở xã S sinh sống, tôi chỉ đến nhà ông T để thăm 02 con chung. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông T, nên tôi xin được ly hôn với ông T.

Tòa án đã xác M tại địa phương (công an xã P, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà A, ông T, kết quả như sau: Ông Đào Mạnh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương, ông T đứng tên chủ hộ. Ông T làm nghề tự do, vẫn thường xuyên ở tại địa phương. Ông T là người ham chơi cờ bạc, địa phương từng nhắc nhở nhiều lần. Về mâu thuẫn vợ chồng bà A, ông T thì địa phương không rõ. Việc bà A bị ông T ghen tuông, chửi bới, sỉ nhục thì địa phương không biết vì không được gia đình bà A hoặc hàng xóm trình báo. Từ đầu năm 2020 đến nay thì không còn thấy bà A và ông T chung sống với nhau nữa. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông T là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài dẫn đến bà A, ông T đã sống ly thân.

Bị đơn ông Đào Mạnh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà A nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông T không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo T liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà A, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A về việc xin ly hôn với ông Đào Mạnh T.

[3.2] Về con chung:

Bà A và ông T có 02 con chung là Đào Lê V, sinh ngày 15/11/2011, Đào Lê M, sinh ngày 06/12/2013. Theo trình bày của bà A và kết quả xác M tại địa phương thì hiện nay ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Đối với vấn đề con chung HĐXX xét thấy mặc dù bà A tự nguyện giao cháu V, cháu M cho ông T nuôi dưỡng, đồng thời cháu V, cháu M đều có nguyện vọng được sống với ông T. Tuy nhiên trên thực tế thì tư cách đạo đức của ông T không tốt, nếu giao cháu V, cháu M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển nhân cách của các cháu sau này. Mặt khác ông Đào Mạnh T không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy không có cơ sở để giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu V, cháu M cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu nên tạm thời miễn cho ông T nghĩa vụ trên.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có lời khai của ông Đào Mạnh T nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đỗ Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị A được ly hôn với ông Đào Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung cho bà Nguyễn Thanh Anh trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Vòng A T không phải cấp dưỡng nuôi con; ông T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về T sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà A nộp, theo Biên lai thu số 0005141 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà A phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã P;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Liệu

Dương Văn Hạnh

Lê Xuân Hòa

